


ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2 TIẾNG ANH LỚP 2

Họ và tên Lớp..... Điểm.....


I. Read and match

1.



princess
cook
sister

2 .



mouse
monkey
tiger

3.

bell
clock
climb

4



II. Write the correct words with the picture:

dress
grapes
boy
cook
flower

1,..... 2,..... 3,..... 4,..... 5.....



III. Complete the sentences



1. I can see a _____.



2. I am a _____.



3. They love to _____.



4. I like to _____.



5. My sister is _____ the room .

IV. Read and choose the correct answer.



1. A. fly B. sing C. mouse

2. A. teacher B. cowboy C. cook



3. A. ring B. flower C. house

4. A. round B. grass C. flag



5. A. book B. swing C. grapes

6. A. sing B. star C. swim

V. Recorder the letters



1. o c h l t a c o e -> 2. theet ->



3. e t f e -> 4. k s p i ->



5. w o r c n ->

- The end -

Đáp án đề thi học kì 2 lớp 2 môn tiếng Anh số 1

(Mỗi câu đúng 0,4 điểm x 25 câu)


I. Read and match

1.



princess
cook
sister

2 .



mouse
monkey
tiger

3.



bell
clock
climb

4



Swing
Sing
Ring

II. Write the correct words with the picture:

dress: 4

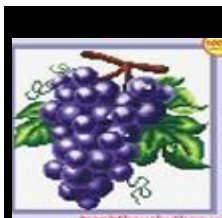
grapes: 1

boy: 5

cook: 2

flower: 3

1, 2, 3, 4, 5,



III. Complete the sentences



1. I can see a planet.



2. I am a teacher.



3. They love to skate.



4. I like to swim.



5. My sister is cleaning the room .

IV. Read and choose the correct answer.



1. A. **fly** B. sing C. mouse



2. A. teacher B. **cowboy** C. cook



3. A. ring B. house C. **flower**



4. A. round B. **grass** C. flag



5. **A. book** B. swing C. grapes 6. A. sing B. swim **C. star**

V. Recorder the letters



1. o c h l t a c o e -> **chocolate**

2. theet -> **teeth**



3. e t f e -> **feet**

4. k s p i -> **skip**



5. w o r c n -> **crown**

- The end -

Đề thi học kì 2 lớp 2 môn tiếng Anh số 2

Họ và tên Lớp..... Điểm.....

I. Read and match

1.

sweet
swan
swim

2 .

ski
skip
skate

3.

pretty
prince
pram

4.

plain
plane
place

II. Write the correct words with the picture:

doll toy whale planet tractor

1, 2, 3, 4, 5,



III. Complete the sentences



1. I like to drive a _____.

2. That is my _____.



3. We have to _____ our teeth.

4. My father is winding the _____.



5. The birds are flying to the _____.

IV. Read and choose the correct answer.



1. A. clown B. town C. crown

2. A. star B. stand C. step



3. A. pretty B. pram C. plain

4. A. chicken B. cake C. beef



5. A. chocolate B. chips C. bread



6. A. dog B. mouse C. cats

V. Recorder the letters



1. ripnssec->



2. okco->.....



3. leweh ->.....



4. aferth ->



5. rpod ->.....

- The end -

Đáp án đề thi học kì 2 lớp 2 môn tiếng Anh số 2

(Mỗi câu đúng 0,4 điểm x 25 câu)

I. Read and match

1.



sweet
swan
swim

2 .



ski
skip
skate

3.



pretty
prince
pram

4.



plain
plane
place

II. Write the correct words with the picture:

doll: **5** toy: **2** whale: **4** planet: **1** tractor: **3**

1, 2, 3, 4, 5,



III. Complete the sentences



1. I like to drive a train.

2. That is my mother.



3. We have to clean our teeth.

4. My father is winding the clock.

5. The birds are flying to the flowers.



IV. Read and choose the correct answer.



1. A. clown B.town C.crown



2. A. star B. stand C.step



3. A. pretty B. pram C. plain



4. A. chicken B. cake C. beef



5. A. chocolate B. chips C. bread



6. A.dog B.mouse C.cats

V. Recorder the letters



1. ripnssec -> princess



2. okco -> cook



- 3.leweh -> wheel



4. aferth -> father



5. rpod -> drop

- The end -

Đề thi học kì 2 lớp 2 môn tiếng Anh số 3

Họ và tênLớp..... Điểm.....


I. Read and circle (1 điểm)

1.



princess
cook
sister

2 .



mouse
monkey
tiger

3.



bell
clock
climb

4



Swing
Sing
Ring

II. Write the correct words with the picture (1.25 điểm)

dress

grapes

boy

cook

flower



1,..... 2, 3, 4, 5.....

III .Circle the odd-one-out. (Khoanh tròn từ mang nghĩa khác loại). (1.25 điểm)

- 1 A. socks B. shorts C . kitchen D. coat
- 2 A. sheep B. dress C. T-shirt D. pants
- 3 A. fish B. shoes C. lion D. goat
- 4 A. living room B. hat C. bedroom D. bathroom
- 5 A. house B. apartment C. chair D. dining room

IV. Count and write. (Đếm và viết) (1 điểm)

- 1. seven + eight = _____
- 2. eighteen – six = _____
- 3. Twenty – five= _____
- 4. Eight + Eight= _____
- 5. Three+ ten= _____
- 6. Seventeen + three= _____
- 7. Eight + Ten= _____
- 8. Twelve – six= _____

9. Eleven+ seven= _____

10. Fourteen – Nine=_____

V. Complete the sentences and translate in to Vietnamese. (4 điểm)

1/ is / my / ball. /red /This

-> _____ -

2/ Where / the/ are/ lion?

-> _____ -

3/ How old / you?/are

-> _____ -

4/ he/ Is / a policeman?

-> _____ -

5/ mom/ My / is / a nurse.

-> _____ -

6/ His name / Tom. / is

-> _____ -

7/ are / These / my hands.

-> _____ -

8/ table? / What's /on /the

-> _____ -

9/ The slide /under / is /the tree.

-> _____ -

10/ tiger/ The / is / on/the sofa.

-> _____ -

11/ is /in / the tree. / The bike

-> _____ -

12/ is / The teddy bear/ under /the slide.

-> _____ -

13/ the seesaw. / is / on / The doll

-> _____ -

14/ The ball /on / is / the goal.

-> _____ -

15/ is / This / Billy's / ice cream.

-> _____ -

16/ My grandpa / a / is / doctor.

-> _____ -

17/ the ball / Is / under / the table?

-> _____ -

18/ What color / the umbrella / is?

-> _____ -

19/ she / Is / a / pilot?

-> _____ -

20/ you / Do / like / cookies?

-> _____ -

VI. Write. (viết.) (1 điểm)

Is Billy in the bedroom? Yes, he is.

_____ Are they in the bath room? No, they _____.

_____ Tom and Tim in the dining room.? Yes, they _____.

_____ the baby in the bathroom? Yes, she _____.

_____ Mom in the kitchen? No, she _____.

VII. Write the word . (Viết từ .) (1 điểm)

1. _____ (c l e r i c) hình tròn

2. _____ (o a c t) áo khoác

3. _____ (g p i) con heo

4. _____ (t g r e i) con cọp

1. _____ (b r z e a) con ngựa vằn

2. _____ (r f e f a g i s) con hươu cao cổ

3. _____ (o s e u h) căn nhà

4. _____ (l o n i) con sư tử